

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **38/2022/DS-PT**

Ngày 10-3-2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Phụng.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Toàn.

Ông Nguyễn Hoàng Thành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Văn Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mỹ Liên – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 04 và ngày 10 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: **166/2021/TLPT-DS** ngày 06 tháng 12 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 63/2021/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 220/2021/QĐ-PT ngày 22 tháng 12 năm 2021 và Thông báo về việc tiếp tục mở phiên tòa đang tạm ngừng số 29/2022/TB-TA ngày 28/01/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị K; Địa chỉ: Ấp K, xã C, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt- vắng mặt khi tuyên án)

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Phạm Ngọc N; Địa chỉ: Ấp M, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, là người đại diện theo văn bản ủy quyền đề ngày 16-6-2020. (vắng mặt)

- Bị đơn: Bà Trịnh Thị Cẩm H; Địa chỉ: Ấp A, xã C, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt- vắng mặt khi tuyên án)

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Phạm Minh T, Luật sư Văn phòng Luật sư Phạm Văn Hùng, Đoàn Luật sư tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt- vắng mặt khi tuyên án)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Danh Vũ S; Địa chỉ: Ấp K, xã C, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt- vắng mặt khi tuyên án).

- *Người kháng cáo:* Bà Phạm Ngọc N là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Trần Thị K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/10/2020, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 05/12/2020, biên bản lấy lời khai ngày 13/5/2021 bà Trần Thị K, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Phạm Ngọc N là người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị K trình bày cho rằng tháng 10/2017, bà Trịnh Thị Cẩm H có đến nhà bà K năn nỉ bà K lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà K thế chấp vay vốn cho bà H mượn, vì là chỗ cháu dâu quen biết nên bà K đồng ý lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đi thế chấp vay 250.000.000 đồng cho bà H mượn, lãi suất Ngân hàng bao nhiêu thì bà H tự đóng. Nên bà K và bà H trực tiếp đến Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Thạnh Trị để làm thủ tục vay 250.000.000 đồng, chồng bà H là ông Danh Vũ S không biết sự việc này. Ngoài ra, bà H còn trực tiếp mượn của bà K 03 lượng vàng thẻ SCJ loại vàng ròng để bán lấy tiền thế chân vào Điện lực huyện Thạnh Trị. Khi vay tiền thì bà H gửi trả lãi hàng tháng nhưng sau khi vợ chồng bà H ly hôn thì bà H bỏ về nhà cha mẹ ruột sống không trả tiền nợ của bà K và cũng không trả lãi cho Ngân hàng. Bà K phải tự bỏ tiền ra để đóng lãi cho Ngân hàng từ tháng 05/2019 đến nay là 25.727.000 đồng (13 tháng x 1.979.000 đồng/tháng). Bà K đã nhiều lần điện thoại, gặp trực tiếp bà H để yêu cầu trả các khoản nợ nhưng bà H không trả. Nay bà K yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H trả số tiền 284.000.000 đồng (trong đó 250.000.000 đồng tiền gốc và 34.000.000 đồng tiền lãi tính từ ngày 01/5/2019 đến ngày khởi kiện 01/10/2020 với mức lãi suất 9,5%/năm) và yêu cầu tính tiền lãi từ ngày khởi kiện đến ngày xét xử sơ thẩm trên số tiền nợ 250.000.000 đồng với mức lãi suất theo quy định pháp luật và trả 03 lượng vàng thẻ SJC.

Đến ngày 29/01/2021, Tòa án nhận được Đơn khởi kiện (bổ sung) đề ngày 05/12/2020, người khởi kiện Trần Thị K (do bà Phạm Ngọc N là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn nộp trực tiếp tại Tòa án) trình bày cho rằng vào ngày 05/01/2019, bà H có vay của bà K số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 3,5%/tháng chỉ thỏa thuận miệng không có giấy tờ, từ khi vay nợ thì bà H không đóng lãi cho bà K. Nay bà K yêu cầu Tòa án buộc bà H trả 69.090.000 đồng (trong đó gốc 50.000.000 đồng, lãi 19.090.000 đồng) và tính lãi từ ngày làm đơn khởi kiện bổ sung (ngày 05/12/2020) đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu cá nhân bà H có nghĩa vụ trả nợ gồm tiền vay gốc 250.000.000 đồng và 55.412.000 đồng tiền lãi, tiền mượn 03 lượng vàng thẻ SJC, tiền vay gốc 50.000.000 đồng và 26.560.000 đồng tiền lãi. Không yêu cầu ông S cùng có trách

nhiệm trả nợ trên.

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Trịnh Thị Cẩm H trình bày cho rằng bà hoàn toàn không có vay, mượn của bà K số tiền 250.000.000 đồng, 03 lượng vàng thẻ SJC, 50.000.000 đồng như bà K yêu cầu. Bà và ông Danh Vũ S đã ly hôn năm 2019 và hiện ông S đang khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung giữa ông S với bà và đã được Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì thụ lý đang giải quyết. Nhưng bà khẳng định những khoản bà K yêu cầu trên hoàn toàn không có nên không liên quan đến việc chia tài sản chung, nợ chung giữa bà và ông S. Khoảng hơn 01 năm trước bà có từng thông qua ông S mượn tiền của bà K khoảng 25-30 triệu đồng nhưng chỉ khoảng 01-02 ngày sau đó là đã thanh toán xong với bà K. Năm 2017, bà cũng không có lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà K thế chấp cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Thanh Trì vay tiền như bà K trình bày, mà bà với ông S có đang nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Thanh Trì và có thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông S đứng tên, khoản nợ này của bà và ông S không liên quan đến bà K. Do bà K là dì của ông S và bà K lớn tuổi đi lại khó khăn nên có từng nhờ bà chở đến Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Thanh Trì và có nhờ bà đến Ngân hàng để đóng lãi giùm cho bà K. Với yêu cầu khởi kiện của bà K thì bà không đồng ý, do cá nhân bà không có vay, mượn của bà K số tiền, vàng trên.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/12/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Danh Vũ S trình bày ông là cháu ruột của bà K, ông và bà H đã ly hôn ngày 30/9/2019. Trong thời kỳ hôn nhân ông không biết việc bà H vay mượn tiền, vàng của bà K, ông có nghe bà K nói nhưng cũng không biết rõ bao nhiêu, khi ông hỏi thì bà H thừa nhận có nợ bà K nên ông nói nếu có nợ thì cố gắng làm để trả và do lúc đó vợ chồng còn sống chung nên ông có đến Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Thanh Trì đóng lãi cho bà H vài lần đối với khoản nợ của bà K, cụ thể đóng ngày tháng năm nào và số tiền bao nhiêu ông không nhớ. Sau này khi ông và bà H ly hôn xong thì bà K mới đòi nợ và nói cho ông biết số tiền bà H mượn là 250.000.000 đồng ở Ngân hàng, mượn tiền tương đương 03 lượng vàng SJC. Bà H vay, mượn tiền, vàng trên sử dụng mục đích riêng ông không biết, sau khi ly hôn bà H mới nói tiền này sử dụng đầu tư chứng khoán thua lỗ. Hiện ông và bà H đang tranh chấp chia tài sản chung, nợ chung sau khi ly hôn và đã được Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì thụ lý đang giải quyết. Khoản nợ bà K yêu cầu bà H này là nợ riêng của bà H nên bà H tự có trách nhiệm trả, ông không liên quan nên cũng không có yêu cầu trong vụ án chia tài sản chung, nợ chung. Ông thừa nhận cũng có từng mượn tiền của bà K nhưng chỉ vài triệu đồng và vài ngày sau là trả đủ, trước giờ ông không có mượn vàng của bà K và cũng không có ký giấy tờ, hợp đồng vay mượn tiền, vàng gì với bà K.

* Tại bản án sơ thẩm số 63/2021/DS-ST ngày 30/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, 4 Điều 91, khoản 2 Điều 95, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273,

Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 12, Điều 15, khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị K đối với bà Trịnh Thị Cẩm H về việc trả các khoản nợ gồm tiền vốn vay 250.000.000 đồng và 55.412.000 đồng tiền lãi; mượn 03 lượng vàng thẻ SJC; tiền vốn vay 50.000.000 đồng và 26.560.000 đồng tiền lãi.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

- Ngày 14/10/2021, bà Phạm Ngọc N là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Thị K có đơn kháng cáo với nội dung:

1. Yêu cầu Tòa án xem xét lại chứng cứ của các đoạn ghi âm đã cung cấp cho Tòa cấp sơ thẩm. Trong các đoạn ghi âm này thể hiện bà K có yêu cầu bà H trả số tiền vay quyền sử dụng đất là 250.000.000 đồng và số vàng 03 cây SCJ để bà H thế chân vào điện lực, tiền vay bà K 50.000.000 đồng, các lần vay mượn hai bên không có làm giấy tờ, nên trước khi bà K khởi kiện thì bà K cùng ông Danh Vũ S cố gắng tìm chứng cứ rồi mới khởi kiện đến quý Tòa và trong đoạn ghi âm thì bà H thừa nhận chở bà K đi Ngân hàng và cũng thừa nhận phần nợ bà K vay của Ngân hàng cho bà H mượn lại và bà H phải đóng lãi cho Ngân hàng hàng tháng, nên bà H có trực tiếp đóng lãi cho Ngân hàng của khoản nợ vay 250.000.000 đồng và phần tiền này thể hiện rõ trong đoạn ghi âm

2. Phần 03 lượng vàng SCJ thì trong đoạn ghi âm bà K có yêu cầu bà H trả. Phía bà H không thừa nhận hay phản đối, nếu bà H không có nợ thì phản đối, còn khi bà K yêu cầu bà H trả 03 lượng vàng thì bà H im lặng.

3. Phần 50.000.000 đồng thì bà H thừa nhận có nợ bà K nhưng cho rằng đã trả rồi, việc bà H nói trả cho bà K thì không có chứng cứ chứng minh.

Do đó, Tôi làm đơn kháng cáo yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết theo hướng sửa án sơ thẩm và chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Trần Thị K không rút đơn khởi kiện và giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn cho rằng bà K cho vay tiền, vàng số lượng lớn nhưng không có giấy tờ để chứng minh, việc bị đơn đóng lãi dùm không có nghĩa là vay tiền, khi ly hôn thì ông S và bà H xác định không có nợ ai. Đoạn ghi âm do bà K và ông S cùng ghi âm thì chất lượng kém, có đoạn nghe được, có đoạn không nghe được và đoạn ghi âm ó thể cắt ghép và tại tòa, nguyên đơn không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ y án sơ thẩm.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về tính có căn cứ và

hợp pháp của kháng cáo, về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm về nội dung kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị K và áp dụng Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì thụ lý vụ án và giải quyết đúng quy định của pháp luật. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Phạm Ngọc N kháng cáo đúng theo quy định tại các Điều 271, Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, nên vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phạm Ngọc N vắng mặt nhưng nguyên đơn có mặt; việc vắng mặt của họ cũng không ảnh hưởng đến việc xét xử. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vụ án.

Về nội dung:

[3] Nguyên đơn bà Trần Thị K khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Trịnh Thị Cẩm H có nghĩa vụ trả nợ gồm tiền vay ngân hàng vốn lẫn lãi là 305.412.000 đồng (tiền gốc 250.000.000 đồng, tiền lãi 55.412.000 đồng); tiền mượn quy thành 03 lượng vàng thẻ SJC và tiền vay vốn lẫn lãi là 76.560.000 đồng (tiền gốc 50.000.000 đồng và tiền lãi 26.560.000 đồng), không yêu cầu ông S cùng có trách nhiệm trả nợ trên. Khi cho vay mượn hai bên không có làm giấy nợ, nhưng người đại diện hợp pháp của bà K cung cấp cho Tòa án một USB màu đen hiệu ADATA, đến ngày 28-9-2021 tiếp tục cung cấp một thẻ nhớ Micro 2GB chứa trong 01 USB 2.0 Micro kèm theo Tờ tường trình (về việc dịch thuật nội dung bản gốc ghi âm thành văn bản) cho rằng dữ liệu ghi âm có nội dung bà H thừa nhận các khoản nợ trên.

[4] Phía bị đơn bà Trịnh Thị Cẩm H cho rằng bà hoàn toàn không có vay, mượn của bà K số tiền 250.000.000 đồng, 03 lượng vàng thẻ SJC và 50.000.000 đồng như bà K yêu cầu. Sau khi các đương sự tiếp cận dữ liệu đoạn ghi âm do phía nguyên đơn bà K cung cấp và được nghe tại phiên tòa, bà H thừa nhận có giọng nói của bà trong đoạn ghi âm cuộc nói chuyện điện thoại được cho là giữa bà K với bà H và giữa ông S với bà H nhưng trình bày không nhớ về nội dung, thời gian, địa điểm do bà không biết việc ghi âm, đoạn ghi âm có thể bị cắt ghép và không yêu cầu giám định đoạn ghi âm.

[5] Tại tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Danh Vũ S cho rằng ông là cháu ruột của bà K, ông và bà H đã ly hôn ngày 30/9/2019. Trong thời kỳ hôn nhân ông không biết việc bà H vay mượn tiền, vàng của bà K, ông có nghe

bà K nói nhưng cũng không biết rõ bao nhiêu, khi ông hỏi thì bà H thừa nhận có nợ bà K nên ông nói nếu có nợ thì cố gắng làm để trả và do lúc đó vợ chồng còn sống chung nên ông có đến Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Thanh Trì đóng lãi cho bà H hai lần trong năm 2018 đối với khoản nợ của bà K vay ngân hàng nhưng không nhớ thời gian nào, sau khi đóng lãi ngân hàng thì bà H cũng không trả lại tiền cho ông và ông cũng không có đòi bà H số tiền đóng lãi cho ngân hàng. Sau này khi ông và bà H ly hôn xong thì bà K mới đòi nợ và nói cho ông biết số tiền bà H mượn là 250.000.000 đồng ở Ngân hàng, mượn tiền tương đương 03 lượng vàng SJC và 50.000.000 đồng. Bà H vay, mượn tiền, vàng trên sử dụng mục đích riêng ông không biết.

[6] Xét kháng cáo của bà Phạm Ngọc N là người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị K yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết sửa án sơ thẩm và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6.1] Tại tòa, các đương sự tiếp cận dữ liệu đoạn ghi âm do phía nguyên đơn bà K cung cấp và được nghe tại phiên tòa.

[6.1.1] Bà H thừa nhận là giọng nói của bà trong đoạn ghi âm cuộc nói chuyện điện thoại được cho là giữa bà K với bà H và giữa ông S với bà H nhưng trình bày không nhớ về nội dung, thời gian, địa điểm do bà không biết việc ghi âm và không thừa nhận về 03 khoản nợ cá nhân theo yêu cầu khởi kiện của bà K. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[6.1.2] Bà H thừa nhận là giọng nói của bà trong đoạn ghi âm cuộc nói chuyện điện thoại được cho là giữa bà K với bà H và giữa ông S với bà H. Tuy nhiên, bà H cho rằng đoạn ghi âm có thể bị cắt ghép, nhưng bà H không yêu cầu giám định đoạn ghi âm có thể bị cắt ghép hay không và phía bà H phản đối yêu cầu của bà K đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó cũng như không đưa được chứng cứ về việc phía bà K có thể bị cắt ghép đoạn ghi âm hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ việc theo quy định tại các khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[6.2] Đối với kháng cáo của bà K về việc yêu cầu cá nhân bà H trả nợ gồm tiền mượn 03 lượng vàng thẻ SJC, tiền vốn vay 50.000.000 đồng và 26.560.000 đồng tiền lãi. *Thấy rằng,*

[6.2.1] Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H không thừa nhận 02 khoản vay, mượn trên. Theo quy định tại khoản 1, 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: *“Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp [...] Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”*. Cấp sơ thẩm có văn bản vào các ngày

17/11/2020, ngày 16/12/2020, ngày 26/02/2021 và ngày 23/3/2021, yêu cầu bà K (cùng người đại diện hợp pháp) có nghĩa vụ cung cấp bổ sung cho Tòa án tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là có căn cứ và hợp pháp. Ngày 01/02/2021, người đại diện hợp pháp của bà K cung cấp cho Tòa án một USB màu đen hiệu ADATA, đến ngày 28/9/2021 tiếp tục cung cấp một thẻ nhớ Micro 2GB chứa trong 01 USB 2.0 Micro kèm theo Tờ tường trình (v/v dịch thuật nội dung bản gốc ghi âm thành văn bản) cho rằng dữ liệu ghi âm có nội dung bà H thừa nhận các khoản nợ.

[6.2.2] Tại tòa, các đương sự tiếp cận dữ liệu đoạn ghi âm do phía nguyên đơn bà K cung cấp và được nghe tại phiên tòa, bà H thừa nhận có giọng nói của bà trong đoạn ghi âm cuộc nói chuyện điện thoại được cho là giữa bà K với bà H và giữa ông S với bà H nhưng trình bày không nhớ về nội dung, thời gian, địa điểm do bà không biết việc ghi âm và không thừa nhận về 02 khoản nợ cá nhân theo yêu cầu khởi kiện của bà K. Người đại diện hợp pháp của bà K cho rằng dữ liệu ghi âm cung cấp ngày 01/02/2021 (bản được sao chép lại) và dữ liệu ghi âm cung cấp ngày 28/9/2021 (bản gốc) cùng nội dung, bao gồm 04 đoạn ghi âm bằng điện thoại di động do ông S cùng bà K sử dụng điện thoại của ông S thực hiện để thu thập chứng cứ khởi kiện bà H. Qua xem xét kiểm tra nội dung đoạn ghi âm trên, bà H không có ý kiến đối với số 03 lượng vàng thẻ SJC, còn phần nợ vay 50.000.000 đồng thì bà H chỉ nói chung chung, số tiền này có khả năng trùng với số tiền bà K khởi kiện trong vụ án chia tài sản với ông S và tại tòa, bà K không có cung cấp tài liệu, chứng cứ mới, nên cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà K đối với phần 03 lượng vàng thẻ SJC, nợ vay 50.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh là có căn cứ. Do đó, kháng cáo của bà K đối với phần này là không có căn cứ chấp nhận.

[6.3] Đối với kháng cáo của bà K về việc yêu cầu cá nhân bà H có nghĩa vụ trả tiền vay ngân hàng vốn lẫn lãi là 305.412.000 đồng (tiền gốc 250.000.000 đồng, tiền lãi 55.412.000 đồng).

[6.3.1] Theo nhận định tại các tiêu mục [6.1] đến [6.3] thì các đương sự tiếp cận dữ liệu đoạn ghi âm do phía nguyên đơn bà K cung cấp và được nghe tại phiên tòa.

[6.3.1.1] Phía bà H thừa nhận là giọng nói của bà trong đoạn ghi âm cuộc nói chuyện điện thoại được cho là giữa bà K với bà H và giữa ông S với bà H nhưng trình bày không nhớ về nội dung, thời gian, địa điểm do bà không biết việc ghi âm và không thừa nhận có vay số tiền 250.000.000 đồng theo yêu cầu khởi kiện của bà K. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[6.3.1.2] Bà H thừa nhận là giọng nói của bà trong đoạn ghi âm cuộc nói chuyện điện thoại được cho là giữa bà K với bà H và giữa ông S với bà H. Tuy nhiên, bà H cho rằng đoạn ghi âm có thể bị cắt ghép, nhưng bà H không yêu cầu giám định đoạn ghi âm có thể bị cắt ghép hay không và phía bà H phản đối yêu cầu của bà K đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó cũng

như không đưa được chứng cứ về việc phía bà K cắt ghép đoạn ghi âm hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ việc theo quy định tại các khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[6.3.2] Cuộc ghi âm của bà Trần Thị K gọi điện thoại cho bà Trịnh Thị Cẩm H ngày 15/7/2021, đối với số tiền 250.000.000 đồng thì có nội dung:

1. Bà K nói “trước mắt trả ý bằng khoảng để ý đi vay tiền”, **bà H trả lời** “thì bằng khoảng cái phần đó làm ăn ở trong nhà do đó để con điện thoại cho ông, con đi con không đem ngàn nào theo hết tron để lại cho ông sử đi”; **2. Bà K nói** “mày đưa ý đi vay tiền chứ không phải thằng Hiền đưa bây giờ mày đổ cho thằng Hiền hết đâu có được”, **bà H trả lời** “ông cũng nói ông cũng mượn chứ đâu phải mình con đâu, ý với con đi nhưng mà con không có sài tiền, tiền đó đổ vô nhà chứ không phải con đâu”, **bà K trả lời** “ lần đó được thì trả tiền ngoài với đi chuộc đồ á”, **bà H trả lời** “ giờ ý điện Hiền ra nói chuyện đi con điện thoại với ông chứ mình con tiền đâu con trả giờ”. **3. Bà K nói** “ nó nói nợ đó mày đem đi sang đất, nợ đó mày đem đi nạp điện lực nó không biết đâu với số tiền mày đi đóng bảo hiểm tùm lum nữa”, **bà H trả lời** “ chuộc đồ thì cũng vô nhà đó đó, đồng ý con với ý đi nhưng con không có sài tiền đó, ý bán hết tài sản ra đi rồi trả nợ thì nợ chung tài sản thì tài sản chung chứ con đâu gánh mình con được”. **Như vậy**, đoạn ghi âm này thể hiện bà H thừa nhận có mượn bằng khoán của bà K và nhờ bà K đứng tên để vay Ngân hàng dùm cho bà H số tiền 250.000.000 đồng và theo bà H cho rằng ông S cũng đồng ý cùng bà mượn số tiền này của bà K.

[6.3.3] Cuộc ghi âm của bà Trịnh Thị Cẩm H gọi điện thoại cho ông Danh Vũ S ngày 15/7/2021, có nội dung đối với số tiền 250.000.000 đồng, cụ thể như sau: **1. Ông S nói** “tiền tui vay 200 triệu mà mấy người mua xe đó rút ra trả góp, mấy người cầm 200 triệu đó đi trả tiền xe đăng khối mắc công trả góp”, **bà H trả lời** “ tiền nào vậy” **ông S trả lời** “tiền tui vay bằng khoán tui ra vay 200 triệu nhớ chưa lúc mua chiếc xe” **bà H trả lời** “ chứ không phải mua chiếc xe trả góp là xong rút hụi bà Trung trả” **ông S trả lời** “ hốt hụi bà Trung là đem đi ứng trước phần nữa còn thiếu lại phân nữa”, **bà H trả lời** “ nhưng mà xe trả rồi tui không biết”. **2. Ông S nói** “ lúc vay tiền ra là mấy người cầm tiền đi trả chiếc xe cái đó là thứ nhất còn 250 triệu mấy người mượn bằng khoán của bà bảy đi vay là mấy người đứng lấy tiền, chờ bà đi chứ tui không liên can”, **bà H trả lời** “tiền trả tiền đó đi đâu” **ông S trả lời** “ tui không biết tự mấy người cầm tiền trả mất mớ gì tới tui”.

Nhận thấy, trong đoạn ghi âm này ông S cũng thừa nhận bà H có mượn bằng khoán của bà K và có chở bà K đi Ngân hàng để vay tiền dùm cho bà H, khi vay Ngân hàng thì sau đó bà H nhận tiền chở ông S không có nhận.

[6.3.4] Tại công văn số 218/NHNo.TT-KHKD ngày 10/12/2020 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh huyện Thạnh Trị xác nhận như sau: Ngày 16/01/2018 bà Trần Thị K có ký hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản để vay vốn Agribank huyện Thạnh Trị với số tiền 500.000.000 đồng nhưng chỉ nhận nợ 250.000.000 đồng. Hạn trả ngày

16/11/2018. Sau khi vay, khách hàng nộp lãi 9 lần, tất toán nợ ngày 20/11/2018, cụ thể: Ngày 16/01/2018, bà K nhận tiền vay 250.000.000 đồng và đến ngày 20/11/2018 thì bà K trả gốc + lãi là 252.397.260 đồng. Phần lãi đã nộp: Các ngày 21/02, 19/3, 17/4, 16/5, 17/7, 18/9 và ngày 18/10 cùng năm 2018 thì người giao dịch (nộp lãi) là bà Trịnh Thị Kim H. Còn các ngày 15/6 và ngày 17/8 thì người giao dịch (nộp lãi) là ông Danh Vũ S. Nhận thấy, ông S thừa nhận có đóng lãi cho Ngân hàng 02 lần dùm cho bà H, phần tiền đóng lãi cho Ngân hàng thì bà H không có trả cho ông. Phía bà H cho rằng bà đóng 7 lần lãi cho Ngân hàng là do bà K không biết chạy xe nên bà K nhờ bà H đóng lãi dùm. Xét thấy, việc bà H cho rằng bà đi đóng lãi dùm cho bà K là chuyện vô lý, nếu có đóng lãi dùm thì đóng dài lần nhưng lại đóng lãi tới 7 lần và chồng bà H là ông S thừa nhận đóng lãi thay cho bà H 2 lần tại Ngân hàng, khi chỉnh sửa bằng khoán thì bà H cũng đi chỉnh sửa, khi đi vay thì bà H cũng chở bà K đi, nếu bà H không có mượn bằng khoán, nhờ bà K đi vay tiền dùm thì không thể nào bà H nhiệt tình như vậy.

[6.4] Từ những phân tích nêu trên, căn cứ vào mục [6.3] thì có căn cứ để khẳng định do là chỗ thân thiết, bà K là dì chồng bà H nên bà H có mượn bằng khoán và nhờ bà K đứng vay Ngân hàng dùm, đến ngày 16/01/2018, bà Trịnh Thị Cẩm H có chở bà Trần Thị K đến Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh huyện Thạnh Trị ký hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản để vay vốn Agribank huyện Thạnh Trị với số tiền 500.000.000 đồng nhưng chỉ nhận nợ 250.000.000 đồng và sau đó bà K giao số tiền trên cho bà H, sau khi vay bà H là người trực tiếp đến Ngân hàng nộp lãi 07 lần, ông S là chồng bà H nộp lãi thay cho bà H 02 lần tổng cộng là 9 lần và tại tòa, ông S cũng khẳng định bà H có nhờ bà K thế chấp bằng khoán vay Ngân hàng dùm cho bà H số tiền 250.000.000 đồng là phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, cấp sơ thẩm bác yêu cầu của bà K phần này là có thiệt thòi đến quyền lợi của bà K, nên cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm đối với phần này.

[6.5] Tại tòa, nguyên đơn bà K xác định chỉ yêu cầu cá nhân bà H có nghĩa vụ trả tiền vay gốc và lãi là 305.412.000 đồng (gốc 250.000.000 đồng và 55.412.000 đồng). Xét thấy, theo nhận định ở mục [6.6] thì chính bà H chở bà K đến Ngân hàng vay tiền và sau đó bà K giao số tiền 250.000.000 đồng cho bà H. Sau khi vay xong thì bà H đóng lãi cho Ngân hàng 7 lần, ông S chồng bà H trực tiếp đóng lãi cho Ngân hàng 02 lần dùm cho bà H đối với số tiền vay của Ngân hàng. Như vậy, việc bà H nhờ bà K vay Ngân hàng thì ông S đều biết và không phản ứng bằng cách ông S trực tiếp đi đóng lãi 02 lần và trong thời gian vay tiền, đóng lãi cho Ngân hàng thì vợ chồng bà H, ông S còn sống chung và vay tiền nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình, nên căn cứ khoản 1 Điều 27 của Luật hôn nhân gia đình thì vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch dân sự do một bên thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 30 và khoản 1 Điều 30 có quy định “vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình”. Do đó, phần nợ bà H nhờ bà K vay Ngân hàng là nợ chung của vợ chồng ông S và bà H, nên bà H và ông S có nghĩa vụ trả cho bà K số tiền trên. Tuy nhiên, tại Quyết số 120/2019/QĐST-HNGĐ ngày 30/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, đã Quyết định Công nhận sự thỏa thuận

của các đương sự cụ thể như sau: 1. Về quan hệ hôn nhân chị Trinh Thi Cẩm H và anh Danh Vũ S tự nguyện ly hôn với nhau, 2. Về con chung... Do bà H và ông S đã ly hôn nên phần nợ của bà K mỗi người phải có nghĩa vụ trả cho bà K tiền gốc $\frac{1}{2}$ (250.000.000 đ : 2) là 125.000.000 đồng và tiền lãi $\frac{1}{2}$ (55.412.000 đ : 2) là 27.706.000 đồng. Do đó, bà K yêu cầu bà H trả toàn bộ nên được chấp nhận một phần, phần nợ của ông S tách thành vụ án khác khi bà K có yêu cầu.

[7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bà K và căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm.

[8] Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà K, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận một phần, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Tại phiên tòa phúc thẩm, luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn đề nghị không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà K, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận một phần, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí dân sự phúc thẩm: do bản án bị sửa, nên án phí thực hiện theo khoản 2 Điều 148 và khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do bà K là người cao tuổi và là người kháng cáo được chấp nhận một phần, bà K thuộc trường hợp được miễn hoặc không phải chịu án phí phúc thẩm, nên theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 29 và bà H phải chịu án phí có giá ngạch theo quy định tại khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Kim được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị K. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 63/2021/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 91; khoản 1 Điều 147; Điều 271; khoản 1,3 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị K

về việc yêu cầu bị đơn bà Trịnh Thị Cẩm H trả số tiền vốn gốc là 125.000.000 đồng và tiền lãi là 27.706.000 đồng.

Buộc bị đơn bà Trịnh Thị Cẩm H có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Trần Thị K số tiền vốn lãi là 152.706.000 (Một trăm năm mươi hai triệu bảy trăm lẻ sáu ngàn). Trong đó, tiền vốn gốc là 125.000.000 đồng (Một trăm hai mươi lăm ngàn đồng), tiền lãi là 27.706.000 đồng (Hai mươi bảy ngàn bảy trăm lẻ sáu ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nguyên đơn bà Trần Thị K có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn bà Trịnh Thị Cẩm H chậm thanh toán số tiền nêu trên thì còn phải chịu thêm tiền lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị K về việc yêu cầu bà Trịnh Thị Cẩm H trả tiền mượn quy thành 03 lượng vàng thẻ SJC; tiền vốn vay 50.000.000 đồng và 26.560.000 đồng tiền lãi phát sinh.

3. Ông Danh Vũ S có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Trần Thị K vốn lãi là 152.706.000 (Một trăm năm mươi hai triệu bảy trăm lẻ sáu ngàn). Trong đó, tiền vốn vay là 125.000.000 đồng, tiền lãi là 27.706.000 đồng khi bà K có yêu cầu, vì đây là nợ chung giữa ông Danh Vũ S và bà Trịnh Thị Cẩm H và mỗi người phải trả cho bà K một phần hai.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Bà Trần Thị K được miễn toàn bộ.

4.2. Bà Trịnh Thị Cẩm Hồng phải chịu 5.635.300 đồng.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị K được miễn toàn bộ.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hồ Văn Phụng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN – CHỦ
TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Thành

Nguyễn Văn Toàn

Hồ Văn Phụng